

Số: 26/2019/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp
thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Thực hiện Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2016 về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về Danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là Bộ quản lý ngành), Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập; người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nắm giữ cổ phần, vốn góp.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Hội đồng thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định thành lập; người đại diện phần vốn góp của tập đoàn kinh tế, tổng công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty có trách nhiệm sau:

a) Căn cứ Phụ lục Danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định này để tổ chức, triển khai thực hiện cổ phần hóa (hoàn thành công bố giá trị doanh nghiệp) đúng kế hoạch.

b) Xây dựng lộ trình tiếp tục bán phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa đảm bảo phù hợp với tiêu chí tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định.

c) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ tại các doanh nghiệp sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; những trường hợp đặc thù, có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế tại địa phương, phục vụ chiến lược phát triển ngành và các trường hợp đặc thù khác.

d) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với trường hợp Nhà nước cần nắm giữ từ 36% đến 50% vốn điều lệ khi thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống hoặc không nắm giữ cổ phần.

đ) Định kỳ hằng quý và trước ngày 30 tháng 9 năm 2020 báo cáo kết quả thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

e) Chịu trách nhiệm về việc không hoàn thành cổ phần hóa theo đúng tiến độ quy định tại Quyết định này.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Tổng hợp kết quả thực hiện sắp xếp doanh nghiệp nhà nước trên phạm vi cả nước đến năm 2020 và đề xuất phương án sắp xếp doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế và tổng công ty thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ mục II, III, IV Phụ lục số IIa, IIb ban hành kèm theo Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2016 về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2020.

2. Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng thành viên tập đoàn kinh tế và tổng công ty có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Đảng ủy Khối DNTW;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ĐMDN (2b). 234





Phụ lục
DANH MỤC DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA
ĐẾN HẾT NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg
ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên Doanh nghiệp
I	CỔ PHẦN HÓA, NHÀ NƯỚC NẤM GIỮ TỪ 65% VỐN ĐIỀU LỆ TRỞ LÊN (tổng số 4 doanh nghiệp)
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - 1 doanh nghiệp
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp - 2 doanh nghiệp
2	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty mẹ
3	Tổng công ty Lương thực Miền Bắc
	Thừa Thiên Huế - 1 doanh nghiệp
4	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khoáng sản
II	CỔ PHẦN HÓA, NHÀ NƯỚC GIỮ TRÊN 50% ĐẾN DƯỚI 65% VỐN ĐIỀU LỆ (tổng số 62 doanh nghiệp)
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - 1 doanh nghiệp
1	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thủy sản Hạ Long
	Bộ Xây dựng - 1 doanh nghiệp
2	Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM)
	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp - 4 doanh nghiệp
3	Tổng công ty Cà phê Việt Nam
4	Tổng công ty Viễn thông MobiFone
5	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam - Công ty mẹ
6	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam - Công ty mẹ
	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) - 1 doanh nghiệp
7	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác và Chế biến Đá An Giang
	An Giang - 1 doanh nghiệp
8	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang
	Đắk Nông - 1 doanh nghiệp
9	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Sách và Thiết bị trường học tỉnh Đắk Nông
	Đồng Nai - 1 doanh nghiệp
10	Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai